

Số: 510/QĐ-UBCK

Hà Nội, ngày 11 tháng 7 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Về việc hướng dẫn thực hiện Thông tư số 134/2009/TT-BTC ngày 01/7/2009 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí và lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29/06/2006;

Căn cứ Nghị định số 14/2007/NĐ-CP ngày 19/01/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 63/2007/QĐ-TTg ngày 10/5/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 134/2009/TT-BTC ngày 01/7/2009 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí và lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Theo đề nghị của Trưởng ban Phát triển thị trường,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Hướng dẫn thực hiện thu, nộp phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng ban Phát triển thị trường, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Tổng Giám đốc các Sở Giao dịch chứng khoán, Tổng giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, các công ty đại chúng chưa niêm yết, các tổ chức, cá nhân được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép thành lập, hoạt động, hành nghề trong lĩnh vực chứng khoán chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- Lãnh đạo UBCKNN;
- Như Điều 3;
- Lưu: VP, Ban PTTT.



HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN THU, NỘP PHÍ, LỆ PHÍ TRONG LĨNH VỰC CHỨNG KHOÁN ÁP DỤNG TẠI ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 510/QĐ-UBCK ngày 11 tháng 8 năm 2009 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước)

1. Đối tượng thực hiện:

- Đối tượng thu phí, lệ phí: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN)
- Đối tượng nộp phí, lệ phí:
 - + Các Sở giao dịch chứng khoán (SGDCK), Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (TTLKCK);
 - + Các công ty đại chúng chưa niêm yết;
 - + Các tổ chức, cá nhân được UBCKNN cấp phép thành lập, hoạt động, hành nghề trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán ;
 - + Các tổ chức chào bán cổ phiếu, trái phiếu, chào bán thêm chứng chỉ quỹ ra công chúng theo chấp thuận của UBCKNN.

2. Mức thu:

Các khoản phí, lệ phí thu theo mức quy định tại Biểu dưới đây:

STT	TÊN PHÍ, LỆ PHÍ	MỨC THU
1	Lệ phí cấp giấy phép hoạt động công ty chứng khoán	
a)	Môi giới	20 triệu đồng
b)	Tự doanh	60 triệu đồng
c)	Bảo lãnh phát hành	100 triệu đồng
d)	Tư vấn đầu tư chứng khoán	20 triệu đồng
2	Lệ phí cấp giấy phép hoạt động công ty quản lý quỹ	30 triệu đồng
3	Lệ phí cấp giấy phép hoạt động của chi nhánh công ty quản lý quỹ đầu tư nước ngoài	20 triệu đồng
4	Lệ phí cấp giấy phép đặt văn phòng đại diện hoặc gia hạn giấy phép văn phòng đại diện của tổ chức chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam (Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc gia hạn giấy chứng nhận đăng ký hoạt động tổ chức chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam)	1 triệu đồng/giấy phép
5	Lệ phí cấp phép thành lập và hoạt động quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng (Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng)	
a)	Từ 50 tỷ đến dưới 150 tỷ	20 triệu đồng
b)	Từ 150 tỷ đến dưới 250 tỷ	35 triệu đồng
c)	Từ 250 tỷ trở lên	50 triệu đồng
6	Lệ phí cấp giấy phép thành lập và hoạt động quỹ thành viên (Lệ phí cấp Thông báo xác nhận thành lập quỹ đầu tư chứng khoán thành viên)	

STT	TÊN PHÍ, LỆ PHÍ	MỨC THU
a)	Từ 50 tỷ đến dưới 150 tỷ	10 triệu đồng
b)	Từ 150 tỷ đến dưới 250 tỷ	20 triệu đồng
c)	Từ 250 tỷ trở lên	30 triệu đồng
7	Lệ phí chấp thuận chào bán cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ ra công chúng (Lệ phí cấp giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ ra công chúng)	
a)	Dưới 50 tỷ	10 triệu đồng
b)	Từ 50 tỷ đến dưới 150 tỷ	20 triệu đồng
c)	Từ 150 tỷ đến dưới 250 tỷ	35 triệu đồng
d)	Từ 250 tỷ trở lên	50 triệu đồng
8	Lệ phí cấp giấy phép hoạt động công ty đầu tư chứng khoán	
a)	Từ 50 tỷ đến dưới 150 tỷ	20 triệu đồng
b)	Từ 150 tỷ đến dưới 250 tỷ	35 triệu đồng
c)	Từ 250 tỷ trở lên	50 triệu đồng
9	Lệ phí cấp phép thành lập chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán trong nước	10 triệu đồng/giấy phép
10	Lệ phí cấp phép cho cá nhân hành nghề kinh doanh dịch vụ chứng khoán và quản lý quỹ (Lệ phí cấp Chứng chỉ hành nghề chứng khoán cho cá nhân hành nghề kinh doanh dịch vụ chứng khoán và quản lý quỹ)	1 triệu đồng/giấy phép
11	Lệ phí cấp giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán (Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán)	6 triệu đồng/giấy phép
12	Phí quản lý công ty đại chúng chưa niêm yết	10 triệu đồng/01 công ty/ năm
13	Phí giám sát	
a)	Đối với các Sở Giao dịch chứng khoán	0,01%/giá trị giao dịch cổ phiếu, chứng chỉ quỹ nhưng không vượt quá 20% doanh thu phí giao dịch cổ phiếu, chứng chỉ quỹ của các SGDK
b)	Đối với Trung tâm Lưu ký chứng khoán	10%/doanh thu từ hoạt động thu phí lưu ký và phí chuyển khoản

3. Cách tính:

3.1. Cách tính một số loại lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng được tính dựa trên tổng giá trị chứng chỉ quỹ đăng ký.

- Lệ phí cấp Thông báo xác nhận thành lập quỹ đầu tư chứng khoán thành viên được tính trên giá trị vốn góp từ các thành viên.

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ ra công chúng được tính căn cứ trên tổng giá trị chứng khoán đăng ký chào bán (theo mệnh giá).

- Lệ phí cấp giấy phép hoạt động công ty đầu tư chứng khoán được tính căn cứ trên giá trị vốn góp.

3.2. Cách tính phí quản lý công ty đại chúng chưa niêm yết:

3.2.1. Đối với năm đăng ký công ty đại chúng:

- Đăng ký trong 6 tháng đầu năm: 10 triệu đồng/1 công ty

- Đăng ký trong 6 tháng cuối năm: 5 triệu đồng/ 1 công ty

3.2.2. Đối với các năm tiếp theo sau khi đăng ký công ty đại chúng: 10 triệu đồng/ 1 công ty/ năm.

3.3. Cách tính phí giám sát đối với các SGDCK:

- Mức thu 0,01% giá trị giao dịch cổ phiếu, chứng chỉ quỹ được tính dựa trên giá trị giao dịch của cả bên mua và bên bán.

- Mức doanh thu phí giao dịch của các SGDCK được tính dựa trên phí giao dịch mà SGDCK thu từ các CTCK đối với cả bên mua và bên bán.

- Công thức tính:

$$\text{Phí giám sát UBCKNN thu từ các SGDCK} = 0,01\% \times \text{Giá trị giao dịch cổ phiếu, chứng chỉ quỹ} \times 2$$

- Phí giám sát UBCKNN thu từ các SGDCK không được vượt quá 20% tổng doanh thu phí giao dịch cổ phiếu, chứng chỉ quỹ của các SGDCK.

3.4. Cách tính phí giám sát đối với TTLKCK:

Phí giám sát UBCKNN thu từ TTLKCK = 10% x (doanh thu phí lưu ký + doanh thu phí chuyển khoản)

4. Thời điểm thu:

4.1. Đối với các khoản lệ phí: UBCKNN sẽ thu một lần ngay khi cấp giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ hành nghề.

4.2. Đối với phí quản lý công ty đại chúng chưa niêm yết:

- Năm đăng ký công ty đại chúng: Thu ngay khi đăng ký là công ty đại chúng với UBCKNN.

- Các năm tiếp theo: Thu vào đầu quý III hàng năm (Từ ngày 1/7 đến ngày 15/7 hàng năm)

4.3. Đối với phí giám sát: Các SGDCK, TTLKCK nộp phí giám sát cho UBCKNN hàng quý và được nộp từ ngày 1 đến ngày 5 tháng đầu tiên của quý kế tiếp.

5. Cách thức thu:

- Các cá nhân nộp lệ phí cấp Chứng chỉ hành nghề chứng khoán cho cá nhân hành nghề kinh doanh dịch vụ chứng khoán và quản lý quỹ cho UBCKNN bằng tiền mặt (VND) thông qua Ban Kế hoạch Tài chính hoặc chuyển khoản vào tài khoản của UBCKNN.

- Các tổ chức nộp phí, lệ phí cho UBCKNN thông qua hình thức chuyển khoản vào tài khoản của UBCKNN như sau:

- + Tên Tài khoản: Cơ quan Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- + Số Tài khoản: 920.01.029
- + Tại : Kho bạc Nhà nước Thành phố Hà Nội.

6. Nghĩa vụ thực hiện và chế độ báo cáo:

6.1. Các tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép/giấy chứng nhận thành lập, hoạt động, chứng chỉ hành nghề trong lĩnh vực chứng khoán có nghĩa vụ nộp đầy đủ các khoản lệ phí theo quy định tại Quyết định này.

6.2. Các SGDCK, TTLKCK có nghĩa vụ nộp đầy đủ phí giám sát cho UBCKNN và báo cáo số liệu làm căn cứ nộp chậm nhất vào ngày 15 của tháng đầu quý sau (theo mẫu Phụ lục báo cáo đính kèm).

6.3. Các đơn vị chức năng thuộc UBCKNN (Ban Quản lý kinh doanh, Ban Quản lý Quỹ, Ban Quản lý phát hành) chịu trách nhiệm hướng dẫn các tổ chức, cá nhân mà đơn vị trực tiếp quản lý nộp đầy đủ các loại phí, lệ phí liên quan theo đúng quy định.

6.3. Trong quá trình thực hiện, các đối tượng nộp phí, lệ phí báo cáo UBCKNN những vướng mắc (qua Ban Phát triển thị trường) để xử lý kịp thời. /



Mẫu báo cáo phí giám sát các SGDCK/TTLKCK nộp cho UBCKNN

Tên đơn vị nộp phí

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-Tên đơn vị

....., ngày.....tháng.....năm

BÁO CÁO NỘP PHÍ GIÁM SÁT QUÝ NĂM 200..

(Theo Quyết định số /QĐ-UBCK ngày / /2009 của Chủ tịch UBCKNN về việc hướng dẫn thực hiện Thông tư số 134/2009/TT-BTC ngày 01/7/2009 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí và lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước)

1. Các Sở giao dịch chứng khoán:

Đơn vị: 1.000 đồng

Tổng giá trị giao dịch cổ phiếu, chứng chỉ quỹ (Quý...)	Tổng doanh thu phí giao dịch cổ phiếu, chứng chỉ quỹ (Quý...)	Phí giám sát nộp cho UBCKNN (Quý...)	Lũy kế từ đầu năm

2. Trung tâm Lưu ký chứng khoán:

Đơn vị: 1.000 đồng

Tổng doanh thu phí lưu ký và phí chuyển khoản (Quý...)	Phí giám sát nộp cho UBCKNN (Quý...)	Lũy kế từ đầu năm

Nơi nhận:

- Lãnh đạo UBCKNN;
- Ban PTTT;
- Lưu:.....

TỔNG GIÁM ĐỐC